

17

25

17/20

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

LT

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822003)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28 + 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050181	Đỗ Phạm Nhật An	04/05/2005	CCQ2305D			8.0			
2	2123050162	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	29/10/2005	CCQ2305D			0.0			
3	2123050142	Đỗ Thanh Cao	22/06/2005	CCQ2305D			0.0			
4	2123050216	Nại Hoàng Chương	11/02/2004	CCQ2305E	1	Chm	5.0	5,5	5,3	
5	2123050133	Hán Nhật Cương	31/07/2005	CCQ2305C	1	Cug	5.5	6,5	6,1	
6	2123110121	Nguyễn Thanh Đông	16/07/2005	CCQ2305E	1	Đông	4.5	6,0	5,4	
7	2123050189	Lê Thanh Đồng	18/06/2005	CCQ2305D			0.0			
8	2123050205	Đỗ Thế Đức	24/09/2005	CCQ2305E	1	R	4.5	6,5	5,7	
9	2123050220	Võ Trương Đức	19/05/2005	CCQ2305E	1	R	6.0	5,0	5,4	
10	2123050115	Trương Quốc Dũng	19/05/2005	CCQ2305C	1	Png	6.5	9,0	8,0	
11	2123050217	Bùi Quốc Duy	06/01/2004	CCQ2305D	1	Duy	5.5	8,0	7,0	
12	2123050167	Đặng Đức Duy	08/11/2005	CCQ2305D	1	Dz	5.0	6,5	5,9	
13	2123050196	Hán Tấn Duy	26/03/2005	CCQ2305E	1	Du	5.5	6,5	6,1	
14	2123050140	Nguyễn Phạm Mạnh Duy	30/09/2005	CCQ2305D	1	Duy	5.5	7,0	6,4	
15	2123050139	Trần Đức Hải	01/06/2005	CCQ2305C			0.0			
16	2123050146	Lê Tuấn Hào	21/12/2005	CCQ2305D			0.0			
17	2123050202	Mai Nhật Hào	23/11/2004	CCQ2305E	1	hau	6.0	7,0	6,6	
18	2123050134	Bá Trung Hiếu	05/08/2005	CCQ2305C	1	H	6.5	8,5	7,7	
19	2123050136	Nguyễn Văn Hiếu	12/03/2005	CCQ2305C	1	Hien	5.5	8,0	7,0	
20	2123050128	Trần Duy Hiếu	14/11/2005	CCQ2305C	1	Hieu	5.0	8,0	6,8	
21	2123050186	Nguyễn Ngọc Hòa	23/10/2005	CCQ2305C	1	Hoa	5.0	8,0	6,8	
22	2123050092	Phạm Ngọc Huân	21/04/2005	CCQ2305C	1	H	4.5	3,0	3,6	
23	2123050099	Nguyễn Thanh Hùng	17/06/2003	CCQ2305C	1	Hung	8.0	7,5	7,7	
24	2123050228	Phạm Quang Huy	08/06/2005	CCQ2305E	1	Huy	6.0	5,0	5,4	
25	2122170390	Nguyễn Trần Đức Hy	25/07/2004	CCQ2205D	1	Hy	6.0	6,5	6,3	
26	2123050190	Trần Hữu Nam Khánh	19/11/2005	CCQ2305D	1	K	4.5	5,5	5,1	
27	2123050110	Đỗ Tấn Khoa	06/11/2005	CCQ2305C	2	Khoa	5.0	7,5	6,5	
28	2123050199	Sử Ngọc Khoa	21/06/2005	CCQ2305E	1	K	5.0	7,5	6,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822003)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A502

Số SV có mặt: 28

Số bài thi: 28

Số tờ giấy thi: 28 + 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050219	Phan Trọng Khôi	04/07/2005	CCQ2305E			0.0			
30	2123050135	Bá Trung Lễ	05/08/2005	CCQ2305C	1	Quang	6.5	7.5	7.1	
31	2123050198	Phạm Thanh Liêm	23/08/2004	CCQ2305E			0.0			
32	2123050179	Thạch Hoàng Linh	12/10/2004	CCQ2305D	1	Thạch	5.0	6.5	5.9	
33	2123050138	Phạm Nguyễn Công Luận	30/01/2005	CCQ2305C	1	Luân	4.5	2.5	3.3	
34	2123050209	Hoàng Đăng Luật	26/09/1996	CCQ2305E	1	Luân	6.0	5.0	5.4	
35	2123050109	Lâm Văn Lực	29/01/2005	CCQ2305C	2	Luân	4.5	9.5	7.5	
36	2122170387	Võ Xuân Minh	05/08/2004	CCQ2205D	1	Minh	5.5	5.0	5.2	
37	2123050169	Đặng Hoài Nam	22/08/2005	CCQ2305D			0.0			

18

26

18/20

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

LT

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822003)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 27
Số bài thi: 27
Số tờ giấy thi: 33

(Signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050141	Vũ Xuân Nguyên	16/11/2005	CCQ2305D			4.5			
2	2123050118	Phạm Nguyễn Hoàng Nhật	17/04/2005	CCQ2305C	01	Nhật	6.0	6,5	6,3	
3	2123050100	Nguyễn Trung Niên	16/12/2004	CCQ2305C			0.0			
4	2123050126	Nguyễn Đình Ninh	24/10/2005	CCQ2305C	01	Ninh	5.5	3,5	4,3	
5	2123050234	Lương Thanh Nở	01/12/2005	CCQ2305E			0.0			
6	2123050121	Mai Võ Tuấn Phong	10/09/2005	CCQ2305C			5.0			
7	2123050129	Bùi Văn Phúc	23/03/2005	CCQ2305C	01	Phúc	4.5	5,5	5,1	
8	2123050125	Nguyễn Hoàng Phúc	08/09/2005	CCQ2305C	02	Phúc	5.5	7,5	6,7	
9	2123050130	Nguyễn Thanh Phúc	25/03/2004	CCQ2305C			4.5			
10	2123050147	Phạm Huỳnh Phúc	18/02/2005	CCQ2305D	01	Phúc	7.0	4,0	5,2	
11	2123050226	Lê Văn Phụng	25/11/2003	CCQ2305E			0.0			
12	2123050227	Báo Tuấn Phương	25/10/2005	CCQ2305E			4.5	4,0	4,2	
13	2123050095	Đặng Thanh Quân	04/01/2005	CCQ2305C	02	Quân	5.5	8,0	7,0	
14	2123050101	Nguyễn Anh Quang	25/05/2005	CCQ2305C	01	Quang	6.0	7,0	6,6	
15	2123050107	Phạm Huỳnh Quốc	15/11/2005	CCQ2305C	01	Quốc	6.0	6,5	6,3	
16	2123050158	Quảng Đại Sang	19/10/2005	CCQ2305D	01	Sang	6.0	6,0	6,0	
17	2123050230	Trịnh Công Sơn	11/10/2005	CCQ2305E			0.0			
18	2123050090	Đỗ Nhật Tân	19/04/2005	CCQ2305C	01	Tân	4.5	7,0	6,0	
19	2123050157	Trương Ngọc Thái	04/09/2005	CCQ2305D	01	Thái	6.0	7,0	6,6	
20	2123050195	Vũ Tiến Thanh	30/09/2005	CCQ2305E	01	Thanh	7.0	4,5	5,5	
21	2123050120	Đặng Mậu Thành	15/06/2005	CCQ2305C	01	Thành	5.0	8,5	7,1	
22	2123050191	Võ Triệu Thiên	01/05/2005	CCQ2305D	02	Thiên	6.0	9,0	7,8	
23	2123050223	Trần Nhật Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E			0.0			
24	2123050097	Nguyễn Văn Thông	01/11/2005	CCQ2305C	01	Thông	6.0	9,5	8,1	
25	2123050207	Nguyễn Phước Tiến	20/01/2002	CCQ2305E			0.0			
26	2123050187	Phạm Công Tiến	20/04/2005	CCQ2305D	01	Tiến	5.0	7,5	6,5	
27	2123050132	Nguyễn Đức Toàn	17/02/2003	CCQ2305C	01	Toàn	6.5	8,5	7,7	
28	2123050102	Nguyễn Quốc Toàn	05/05/2005	CCQ2305C	01	Toàn	6.0	9,0	7,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt điện (22822003)

Ngày thi: 08/05/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: A503

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 33

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2123050114	Trần Minh	Trọng	22/12/2005	CCQ2305C	01	<i>Tuấn</i>	6.0	7,5	6,9	
30	2123050164	Nguyễn Lê Thành	Trung	19/06/2005	CCQ2305D	01	<i>Trung</i>	4.5	6,0	5,4	
31	2123050148	Bùi Đan	Trường	13/04/2005	CCQ2305D	01	<i>Trường</i>	5.5	6,0	5,8	
32	2123050231	Đổng Văn	Trường	06/01/2005	CCQ2305E			0.0			
33	2123050093	Bùi Duy	Tuấn	12/12/2005	CCQ2305C	02	<i>Tuấn</i>	6.0	9,5	8,1	
34	2123050123	Trần Nhật	Tường	12/08/2005	CCQ2305C	01	<i>Nguyễn</i>	5.0	7,0	6,2	
35	2123050159	Châu Ngọc	Tuy	05/01/2005	CCQ2305D	02	<i>Tuy</i>	4.5	10	7,8	
36	2123050154	Lê Tiến Anh	Việt	03/07/2005	CCQ2305D	02	<i>Việt</i>	7.0	4,0	5,2	
37	2123050156	Trịnh Minh	Vọng	07/02/2005	CCQ2305D	01	<i>Vọng</i>	6.0	7,0	6,6	